

Bản án số: 138/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 08 – 6 - 2026

V/v. **Ly hôn, tranh chấp về nuôi con**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH HÀ TĨNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Huy Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đình Sỹ và Phạm Hồng Chương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bính – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh: Bà Võ Thị Linh – Kiểm sát viên

Vào hồi 15 giờ 30phút, ngày 08 tháng 6 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2026/TLST – HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2026, về việc “**Ly hôn, tranh chấp về nuôi con**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2026/QĐXXST – HNGĐ, ngày 19 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 04/02/1985; CCCD số: 042185010460; địa chỉ: Thôn T, xã G, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh ngày 30/10/1982; CCCD số: 042082096930; địa chỉ: Thôn T, xã G, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của người xin ly hôn, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn ngày 07/04/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là UBND xã G), tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn Thị Huyền L, sinh ngày 21/5/2006 hiện nay đã trưởng thành, chị T không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Gia H, sinh ngày 19/12/2014, hiện con đang sống cùng anh D. Chị T yêu cầu giao con chung cho anh D nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn, tại bản tự khai bị đơn trình bày: **Anh Dũng khẳng định không còn tình cảm và đồng**

ý ly hôn chị Nguyễn Thị T, vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị Huyền L và Nguyễn Gia H, nay anh D đồng ý nuôi con chung Nguyễn Gia H và chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, còn con chung Nguyễn Thị Huyền L đã trưởng thành anh D cũng không có yêu cầu gì; Tài sản chung, nợ chung anh D không yêu cầu giải quyết.

Do nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án và mở phiên tòa xét xử để giải quyết yêu cầu của nguyên đơn theo các quy định tại các Điều 207, Điều 210, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật TTDS,

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 70, khoản 1, 2 Điều 81, các Điều 82, Điều 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình xử: Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D; về con chung và cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của chị T và anh D, giao con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 19/12/2014 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 6/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Buộc nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng :

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D đăng ký thường trú tại thôn T, xã G, tỉnh Hà Tĩnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao nhận văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, các đương sự đều trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì anh D có mặt, chị T vắng mặt, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt nguyên đơn và thông báo kết quả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Tại phiên tòa các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thì quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng đã sống chung được một thời gian nhưng do tính tình không thể hòa hợp nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn do hai người không còn tình cảm, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế. Đối với bị đơn thì đã biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có văn bản trình bày ý kiến cũng như trình bày tại biên bản lấy lời khai xác định vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, hiện không còn tình cảm và đồng ý ly hôn. Việc cả chị T và anh D đều muốn ly hôn thể hiện tình trạng hôn nhân giữa 2 người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Do đó cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung gồm Nguyễn Thị Huyền L, sinh ngày 21/5/2006 hiện nay đã trưởng thành, chị T không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Gia H, sinh ngày 19/12/2014, chị T yêu cầu giao cho anh D nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Xét thấy từ khi chị T và anh D ly thân thì cháu H ở với anh D, được bố chăm sóc nuôi dưỡng tốt, được học tập đầy đủ, hơn nữa cháu H trên 7 tuổi và có đơn nguyện vọng muốn được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Chị T có nguyện vọng giao cháu Gia H cho anh D nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3 triệu đồng, anh D cũng đồng ý với yêu cầu này của chị T như vậy việc giao con chung cho anh D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và chị T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của chị T, anh D và cháu H. Do đó căn cứ Điều 58, khoản 1,2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thỏa thuận về nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con của chị T và anh D.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và buộc chị T phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy ý kiến của Viện Kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 57, 58, 70, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D.

[2]. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con, giao con chung cháu Nguyễn Gia H sinh ngày 19/12/2014 cho anh D chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị T có quyền được thăm nom con chung không ai được cản trở, chị T cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D mỗi tháng 3 triệu đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng kể từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Các bên có thể thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu Tòa án thay đổi nếu người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện nuôi. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và buộc chị T phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000083 ngày 20/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Chị T đã nộp đủ án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3 – Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Gia Hanh, HT
(GCNKH số 06 ngày 07/12/2015);
- Lưu HSVA;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Huy Bình